

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 3 năm 2023

## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 180/TTr-CTTL ngày 20 tháng 3 năm 2023)

### A. Cơ sở pháp lý

1. Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Thừa Thiên Huế;
2. Căn cứ Quyết định số 4151/QĐ-UB ngày 8/12/2005 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc chuyển Công ty QLKTCTTL Thừa Thiên Huế thành Công ty TNHH NNMTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Thừa Thiên Huế;
3. Căn cứ Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế V/v phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH NNMTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Thừa Thiên Huế;

### B. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023

#### I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022

##### I.1. Thuận lợi - Khó khăn

##### 1. Thuận lợi

Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Lãnh đạo UBND tỉnh, các ban ngành cấp tỉnh, đặc biệt là sự hỗ trợ giúp đỡ của lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, sự ủng hộ của chính quyền địa phương và bà con nông dân trong Tỉnh; tập thể người lao động trong Công ty luôn đoàn kết thống nhất, đồng lòng vượt khó trước mọi khó khăn thách thức; chính sách hỗ trợ đầu tư nâng cấp các công trình thủy lợi đã nâng cao tính chủ động và tăng năng lực cấp nước tưới tiêu cho nông nghiệp; doanh thu từ hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi được Nhà nước hỗ trợ đầy đủ kịp thời; nhiệm vụ chính của Công ty là hoạt động công ích trong lĩnh vực quản lý vận hành hệ thống tưới tiêu khai thác các công trình thủy lợi nên thị trường ít biến động và ít tính cạnh tranh.

##### 2. Khó khăn.

Bên cạnh thuận lợi, quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng gặp một số khó khăn đặc thù như:

2.1. Tình hình tưới tiêu: Đầu vụ Đông Xuân do ảnh hưởng không khí lạnh kết hợp với hội tụ gió trên cao từ ngày 24-27/12/2021 đã gây thiệt hại ước tính khoảng 500 triệu đồng chi phí tiền điện đã bơm đầu úng; mực nước trên các

sông, hói, nội đồng dâng cao, các hồ thủy điện tiếp tục điều tiết về hạ lưu đã gây bất lợi trong công tác đầu úng đầu vụ Đông Xuân 2021 – 2022. Trận lũ trái mùa (từ ngày 31/3 đến ngày 03/4) đã gây ngập úng, vỡ bờ bao, bờ vùng khiến nhiều xứ đồng thiệt hại nặng, một số nơi mất trắng; cụ thể có khoảng 20.834 ha diện tích lúa bị ngập úng. Trong đó, ước tính diện tích bị ảnh hưởng trên 70% khoảng 17.748,6 ha, diện tích bị ảnh hưởng từ 30 - 70% là 3.085,4 ha. Thiệt hại tiền điện chống úng cứu lúa đang thời kỳ làm đòng trổ bông khoảng 1,2 tỷ đồng; vụ Hè Thu 2022: Tình hình khí tượng thủy văn thuận lợi; nguồn nước dồi dào; các hồ chứa nước đến cuối vụ phải tháo cạn để đón lũ. Tuy nhiên ngoài nguyên nhân ảnh hưởng đợt mưa lũ trái mùa, bất thường trong vụ Đông Xuân, lúa bị thu hoạch muộn dẫn đến trễ vụ hè thu, còn do chi phí vật tư, phân bón tăng cao so với năm trước, người nông dân tính toán có khả năng thua lỗ, nhiều hộ dân quyết định không sản xuất, bỏ hoang đồng ruộng đã làm sụt giảm kế hoạch diện tích tưới tiêu của Công ty.

2.2. Tình hình công trình thủy lợi: Hệ thống công trình nhiều, phân tán, nằm ngoài trời, chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên nhiên, có nhiều công trình thủy lợi đã đưa vào sử dụng nhiều năm chưa được đại tu, sửa chữa như: Một số hồ, đập dâng miền núi Nam Đông, A Lưới, các cống vùng triều; nhiều hồ chứa nước thủy lợi đã quá thời hạn quy định phải kiểm định an toàn hồ chứa nhưng chưa có nguồn kinh phí đảm bảo;

2.3. Về giá dịch vụ: Nhà nước tiếp tục giữ ổn định thời kỳ ngân sách nên mức hỗ trợ giá dịch vụ công ích thủy lợi chưa được điều chỉnh (kể từ năm 2013 cho đến nay), trong khi đó, giá cả của chi phí đầu vào như: tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, giá điện, giá vật tư... liên tục điều chỉnh tăng qua các năm gây khó khăn cho kế hoạch tài chính của doanh nghiệp.

## 1.2. Kết quả SXKD và đầu tư phát triển

### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất

#### 1.1. Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

DVT: ha

TT	Nội dung	Năm 2022		So sánh TH/KH		
		Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH	Số tuyệt đối	
					%	K Lượng
I	Tổng cộng	36.769,23	35.643,75	96,94	-3,06	-1.125,49
1	Sở NNPTNT đặt hàng	36.335,65	35.211,22	96,91	-3,09	-1.124,43
2	Các đơn vị sử dụng nước	433,58	432,53	99,76	-0,24	-1,06

Sản phẩm dịch vụ cấp nước tưới tiêu (ha): 35.643,75 ha (KH 36.729,23 ha) đạt 96,94 %, giảm 1.125,49 ha, chủ yếu do bỏ hoang trễ vụ, giá phân bón tăng trên 2 lần; ảnh hưởng đợt mưa lũ trái mùa từ 29/3 đến 02/4/2022.

#### 1.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận

DVT: 1000 đ

T T	Nội dung	Năm 2022		So sánh TH/KH		
		Kế hoạch	Thực hiện	%TH /KH	Số tuyệt đối	
					%	Giá trị
1	<b>Doanh thu</b>	<b>31.209.294</b>	<b>29.577.086</b>	<b>94,77</b>	<b>-5,23</b>	<b>-1.632.208</b>
1.1	Quản lý khai thác CTTL	30.259.294	28.766.197	95,07	-4,93	-1.493.097
1.2	Hoạt động khác (Tài chính)	950.000	810.889	85,36	-14,64	-139.111
2	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>762.000</b>	<b>735.100</b>	<b>96,47</b>	<b>-3,53</b>	<b>-26.900</b>

- Doanh thu đạt 29.577.086.000 /31.209.294.000 đồng đạt 94,77%, doanh thu giảm 1.632.208.000 đồng do: Diện tích tưới tiêu bị bỏ hoang; số tiền thu dịch vụ thủy lợi khác (*thu tiền nước Công ty TNHH VITTO, thuê mặt nước nuôi trồng thủy sản tại các hồ chứa thủy lợi*) Công ty không hạch toán vào doanh thu mà đưa qua một tài khoản phải trả, phải nộp khác (TK 338): 114.551.244 đồng để chờ ý kiến giải quyết của cấp trên. Bên cạnh đó, hiện Công ty đã chấm dứt các hợp đồng dịch vụ thủy lợi khác, do chưa có quyết định về cấp phép khai thác sử dụng nước mặt, và quyết định về thuê đất, thuê mặt nước.

- Lợi nhuận đạt 735,1/ 762 triệu đồng (96,47% KH), do doanh thu giảm và chi phí tiền điện bơm tiêu úng cứu lúa vượt định mức trong giai đoạn làm đòng trở bông vụ Đông Xuân 2021-2022

### 3. Kết quả thực hiện các hoạt động đầu tư

Theo Thông báo số 4932/TB-SKHĐT ngày 27/12/2021 giao đầu năm là 28.400 triệu đồng, tuy nhiên đến ngày 01/11/2022 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Thông báo số 4455/TB-SKHĐT về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 là: Giảm: 4.500 triệu đồng (Nâng cấp các công trình thủy lợi A Lưới: 2.500 trđ và nâng cấp sửa chữa các công trình trạm bơm chống hạn Tây Nam Hương Trà, thị xã Hương Trà: 2.000 trđ) và tăng 367,288 triệu đồng để bố trí trả nợ cho công trình đã phê duyệt quyết toán: Hệ thống kênh tưới Bắc Sơn, xã Bắc Sơn, huyện Phú Lộc, và Thông báo số 4460/TB-SKHĐT ngày 01/11/2022 về việc phân khai chi tiết kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2022 cho các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2022, nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý: Dự án: Hệ thống trạm bơm tưới, tiêu huyện Phú Vàng: 200 triệu đồng, do đó vốn đầu tư công trung hạn giao trong năm 2022:

$$28.400 \text{ trđ} - 4.500 \text{ trđ} + 367,288 \text{ trđ} + 200 \text{ trđ} = 24.467,288 \text{ trđ}$$

DVT: Triệu đồng

T T	Nội dung	Năm 2022		So sánh TH/KH		
		Kế hoạch	Thực hiện	%TH /KH	Số tuyệt đối	
					%	Giá trị
	<b>Tổng cộng</b>	<b>27.467,29</b>	<b>25.486,59</b>	<b>92,79</b>	<b>-7,21</b>	<b>-1.980,7</b>
1	Vốn đầu tư công	24.467,29	22.519,66	92,04	-7,96	-1.947,6

	trung hạn					
2	Vốn khấu hao cơ bản Công ty	800,00	787,61	98,45	-1,55	-12,4
3	Vốn khác	2.200,00	2.179,32	99,06	-0,94	-20,7

Sử dụng vốn đầu tư giảm 7,21% so với kế hoạch, số tiền giảm 1.980,7 triệu đồng, nguyên nhân giảm chủ yếu: Dự án nâng cấp các công trình thủy lợi huyện A Lưới, giảm 1.888,55 trđ do đã kết thúc, hết nhiệm vụ chi; chi phí dự phòng không sử dụng, chi phí quyết toán không thực hiện; giảm khối lượng tư vấn thiết kế, xây lắp, TVGS theo phê duyệt và theo thực tế hiện trường.

(Đính kèm Phụ lục đánh giá các chỉ tiêu)

Tóm lại, trong năm 2022, do gặp nhiều bất lợi do ảnh hưởng của thời tiết bất lợi nên có một số chỉ tiêu (Diện tích tưới tiêu, doanh thu, lợi nhuận) chưa đạt so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân: Khách quan bất khả kháng.

## II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023

### II.1. Thuận lợi – Khó khăn

#### 1. Thuận lợi:

Nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho người dân; nhiệm vụ chính của Công ty là hoạt động công ích trong lĩnh vực quản lý vận hành hệ thống tưới tiêu khai thác các công trình thủy lợi nên thị trường ít biến động và ít tính cạnh tranh.

#### 2. Khó khăn

Mức hỗ trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi chưa được định hình theo hướng có điều chỉnh tăng hay tiếp tục theo mức cũ, trong khi đó chí phí đầu vào cung ứng dịch vụ thủy lợi liên tục tăng; mặt khác ngay từ đầu vụ Đông Xuân 2022-2023 do ảnh hưởng không khí lạnh kết hợp với hội tụ gió trên cao từ đầu vụ đến nay đã ghi nhận hai đợt mưa to và rất to trên diện rộng: ngày 21-23/12/2022 và 14 đến 16/02/2023 đã gây thiệt hại về cơ sở hạ tầng thủy lợi và chi phí tiền điện đã bom đầu úng, diện ích đã gieo phải gieo sạ lại....; mực nước trên các sông, hói, nội đồng đang cao, các hồ thủy điện tiếp tục điều tiết về hạ lưu đã gây bất lợi trong công tác đầu úng đầu vụ Đông Xuân 2022 – 2023; thời tiết tiếp tục diễn biến bất thường, khả năng hạn hán có thể xảy ra trong vụ Hè Thu 2023 nắng nóng cao điểm tháng 5, 6, 7; thiếu kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng như: Cắm mốc chỉ giới bảo vệ, lập quy trình vận hành cho các hồ chứa, phương án ngập lụt vùng hạ du đập, kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước,..... Ngoài ra, hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi cần phải thực hiện một số quy định của pháp luật liên quan như: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; cấp phép khai thác sử dụng nguồn nước; lập phương án bảo vệ môi trường; xây dựng khu lưu giữ, thực hiện quản lý chất thải, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật. v.v.

### II.2. Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2023

#### 1. Kế hoạch SXKD năm 2023

1.1. Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (diện tích tưới tiêu: ha)

TT	Nội dung	Số lượng (ha)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>36.722,22</b>
1	Sở NNPTNT đặt hàng	36.289,63
2	Các đơn vị sử dụng nước	432,58

1.2. Doanh thu

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>31.293.579.019</b>
<b>I</b>	<b>Quản lý khai thác</b>	<b>30.493.579.019</b>
1	Tưới tiêu (có thu giá dịch vụ)	26.915.579.019
2	Khai thác tổng hợp (có thu giá dịch vụ)	
3	Công trình sự nghiệp thủy lợi	3.578.000.000
<b>II</b>	<b>Kinh doanh khác ( hoạt động tài chính và thu nhập khác)</b>	<b>800.000.000</b>

1.3. Chi phí

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30.531.579.019</b>
1	Nhóm chi phí phục vụ đầu tư thay thế, sửa chữa lớn	615.937.500
2	Nhóm chi phí quản lý vận hành	29.915.641.519

1.4. Lợi nhuận

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	TH 2022	KH 2023
1	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>735.100.025</b>	<b>762.000.000</b>
-	Hoạt động tưới nước và tiêu nước	-75.788.975	-38.000.000
-	Hoạt động kinh doanh khác	810.889.000	800.000.000
2	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>585.459.271</b>	<b>609.600.000</b>

1.5. Thuế và các khoản nộp ngân sách

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	TH 2022	KH 2023
	<b>Tổng cộng</b>	<b>253.697.508</b>	<b>244.996.641</b>
1	Thuế các loại	244.237.363	244.996.641
	- Thuế GTGT	9.164.100	6.909.091
	- Thuế TNDN	149.640.754	152.400.000
	- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	77.685.069	82.687.550
	- Các loại thuế môn bài	3.000.000	3.000.000
	- Thuế tài nguyên	4.747.440	
2	Các khoản phải nộp khác	9.460.145	

1.6. Kế hoạch đầu tư phát triển

a) Kế hoạch đầu tư các dự án

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp sửa chữa các công trình trạm bơm chống hạn Tây Nam Hương Trà, thị xã Hương Trà; hệ thống trạm bơm tưới, tiêu huyện Phú Vang

- Thay thế các máy bơm điện đã cũ và lạc hậu; bổ sung lắp đặt thêm máy móc thiết bị công tác để tăng cường tiêu úng đột xuất; bổ sung các trạm bơm nhỏ chống hạn, chống úng, cửa van công điều tiết nước để giải quyết kịp thời tưới tiêu cục bộ; Lắp đặt màn hình led Hội trường nhà làm việc Công ty phục vụ hội họp và điều hành trực tuyến.

- Sửa chữa công trình thủy lợi từ nguồn vốn bảo vệ phát triển đất trồng lúa

- Sử dụng quỹ đầu tư phát triển để đầu tư: Trạm bơm tiêu tăng cường chống úng Hương Toàn, thị xã Hương Trà; Trạm bơm tưới chống hạn Tiến Lực, xã Lộc An, huyện Phú Lộc

b) Kế hoạch vốn năm 2023

TT	Danh mục công trình	Kinh phí (Triệu đồng)	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.403</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn đầu tư công trung hạn</b>	<b>11.000</b>	
1	Nâng cấp sửa chữa các công trình trạm bơm chống hạn Tây Nam Hương Trà, thị xã Hương Trà ( <i>Thông báo số 5388/TB-SKHĐT ngày 27/12/2022</i> )	2.000	
2	Các trạm bơm tưới, tiêu Phú Vang ( Theo Tờ trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh)	9.000	
<b>II</b>	<b>Vốn khấu hao cơ bản Công ty</b>	<b>800</b>	
1	Thay thế các máy bơm điện đã cũ và lạc hậu; bổ sung lắp đặt thêm máy móc công tác để tăng cường tiêu úng đột xuất; thiết bị thủy văn.	410	
2	Lắp đặt màn hình led Hội trường nhà làm việc Công ty phục vụ hội họp và điều hành trực tuyến.	170	
3	Bổ sung các trạm bơm nhỏ chống hạn, chống úng, cửa van công điều tiết nước để giải quyết kịp thời tưới tiêu cục bộ	220	
<b>III</b>	<b>Vốn khác</b>	<b>3.603</b>	
1	Bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	2.200	
2	Quỹ đầu tư phát triển ( <i>Trạm bơm tiêu tăng cường chống úng Hương Toàn, thị xã Hương</i>	1.403	

Trà; Trạm bơm tưới chống hạn Tiến Lực, xã Lộc An, huyện Phú Lộc)		
--	--	--

Tổng vốn đầu tư kế hoạch (15.403 triệu đồng) thấp hơn so với kế hoạch năm 2023 được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định phê duyệt Kế hoạch SXKD và đầu tư giai đoạn 2021 – 2025 (39.676 triệu đồng) là do trong năm 2023 Nhà nước chưa bố trí vốn đầu tư trung hạn để thực hiện một số dự án mới về sử chữa nâng cấp các công trình thủy lợi (Nam Thanh, Hương Vinh, Hương Phong, Quảng Thành, hệ thống kênh nhánh đập Thủy Yên, hồ Hòa Mỹ...) và vốn đầu tư phát triển theo Nghị định 114/2018/NĐ-CP.

### BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Khối lượng hoặc giá trị
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu sản lượng chủ yếu: Diện tích tưới tiêu</b>	<b>Ha</b>	<b>36.722</b>
	- Trong đó diện tích quy đổi	Ha	22.192
<b>2</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>31.293,58</b>
a	Quản lý khai thác	Triệu đồng	30.493,58
-	Tưới tiêu (có thu giá dịch vụ)	Triệu đồng	26.915,58
-	Khai thác tổng hợp (có thu giá dịch vụ)	Triệu đồng	
-	Công trình sự nghiệp thủy lợi	Triệu đồng	3.578,00
b	Kinh doanh khác (hoạt động Tài chính)	Triệu đồng	800,00
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>762</b>
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>609,6</b>
<b>5</b>	<b>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>245,00</b>
	Trong đó: Thuế TNDN	Triệu đồng	152,4
<b>6</b>	<b>Tổng vốn đầu tư</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>15.403,00</b>
a	Vốn đầu tư trung hạn	Triệu đồng	11.000,00
b	Vốn khấu hao cơ bản của Công ty	Triệu đồng	800,00
c	Vốn khác (bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; Quỹ đầu tư phát triển)	Triệu đồng	3.603,00
<b>7</b>	<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	<b>1.000 USD</b>	
<b>8</b>	<b>Các chỉ tiêu khác</b>		

**2. Kế hoạch đầu tư (dự án nhóm B trở lên): Không**

### III. Các giải pháp thực hiện

#### 1. Giải pháp phát triển thị trường và sản phẩm

Mở rộng phạm vi phục vụ, nâng cao chất lượng đối với các dịch vụ: cấp nước nông nghiệp; cấp nước công nghiệp và nước sinh hoạt; du lịch và nuôi trồng thủy sản theo hình thức liên doanh; các dịch vụ khác như cung ứng, lắp

đặt, sửa chữa thiết bị cơ khí thủy lợi, hoạt động tài chính, tư vấn đầu tư xây dựng, xây lắp công trình,...

**2. Giải pháp về tài chính:** Thực hiện tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, tiết kiệm điện năng bằng cách tích cực bơm vào giờ thấp điểm, hạn chế bơm vào giờ cao điểm (ngoại trừ các yếu tố khách quan); ban hành và thực hiện nghiêm quy chế chi tiêu nội bộ, quy định về quản lý sử dụng tài sản, cân đối các khoản chi theo nguồn tài chính hiện có; có phương pháp sử dụng và đầu tư hoạt động tài chính nhằm đảm bảo tận dụng nguồn vốn nhà nước một cách có hiệu quả; có kế hoạch huy động lao động nhà nước để tăng cường duy tu, bảo dưỡng sửa chữa công trình.

**3. Giải pháp về sản xuất:** Thực hiện tu sửa, duy tu bảo dưỡng công trình, thiết bị cơ điện, đảm bảo 100% các máy và công trình đều vận hành tốt phục vụ sản xuất, tăng cường công tác quản lý vận hành công trình, tuyệt đối tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa và trạm bơm, các đập dâng và các cống cửa sông; có kế hoạch giám sát nguồn nước tại các hồ chứa và phân phối nước hợp lý, triệt để tiết kiệm nước; lập phương án chủ động đối phó khi có hạn hán, mưa bão xảy ra; thực hiện tốt chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn do Nhà nước giao.

**4. Giải pháp về Marketing:** Tập huấn nâng cao năng lực quản lý nước và thực hiện Luật Thủy lợi và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Thủy lợi cho các tổ chức hợp tác dùng nước nhằm nâng cao trình độ và ý thức trách nhiệm trong việc chấp hành và bảo vệ công trình thủy lợi của người dân; tuyên truyền vận động các hộ dùng nước sử dụng nước tiết kiệm, hợp lý, quan tâm đến việc bảo vệ nguồn nước, nâng cao chất lượng nước tưới; quy hoạch, nâng cấp các hệ thống công trình đang quản lý, tiếp nhận xây dựng mới một số công trình nhằm đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước trên địa bàn.

**5. Giải pháp về nguồn nhân lực:** Đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ kỹ thuật và công nhân quản lý thủy nông nắm được các phương pháp quản lý tưới tiêu khoa học, tiên tiến, quản lý theo mạng lưới tin học; bố trí, phân công, sắp xếp, điều chỉnh lao động hợp lý đáp ứng cơ bản nhu cầu các đơn vị trực thuộc; Tuyển chọn, tiếp nhận lao động mới theo quy trình; khuyến khích xây dựng quy chế ưu đãi, thu hút đối với người lao động có trình độ tay nghề, ý thức trách nhiệm và kinh nghiệm trong công việc nhằm phát huy tính sáng tạo, chủ động.

**6. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật:** Áp dụng công nghệ, giải pháp tưới tiên tiến tiết kiệm nước, chú trọng áp dụng khoa học công nghệ trong quản lý vận hành công trình thủy lợi; dự báo, cảnh báo sớm phục vụ vận hành hiệu quả, giảm thiểu rủi ro, thiệt hại; thay thế một số máy móc thiết bị hiệu suất thấp không hiệu quả.

**7. Giải pháp về quản lý và điều hành:** Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, nhu cầu dùng nước tưới, tiêu của từng giai đoạn để vận hành công trình linh hoạt, điều tiết giữ nước hợp lý ở các công trình để phòng chống úng hạn kịp thời, phục vụ sản xuất có hiệu quả, vận hành công trình an



toàn đáp ứng yêu cầu sản xuất sinh hoạt của nhân dân và hộ dùng nước.

### 8. Giải pháp khác:

- Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao hơn nữa tinh thần làm chủ, ý thức trách nhiệm của cán bộ CNV và người lao động; triển khai đầy đủ, kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các phương án, cơ chế quản lý, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Tăng cường mối quan hệ với các Sở ban ngành cấp tỉnh và chính quyền địa phương trên địa bàn để tranh thủ sự lãnh đạo giúp đỡ. Làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt Luật Thủy lợi và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Thủy lợi

- Đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng nhằm tạo động lực phấn đấu thúc đẩy quá trình hoạt động sản xuất và các mặt hoạt động khác./.

CHỦ TỊCH CÔNG TY *MOA*



Đỗ Văn Đính

**PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023**

**I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch 2021-2025	Kế hoạch 2023	Ghi chú
1	Chỉ tiêu sản lượng chủ yếu (chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích): Diện tích tưới tiêu	Ha	36.769,00	35.643,75	36.335,00	36.722,22	Biểu 1
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	31.209	29.577,09	31.230,00	31.293,58	Biểu 2
a	Quản lý khai thác	Triệu đồng	30.259	28.766,20	30.230,00	30.493,58	
-	Tưới tiêu (có thu giá dịch vụ)	Triệu đồng	27.110	25.885,13	26.410,00	26.915,58	
-	Khai thác tổng hợp (có thu giá dịch vụ)	Triệu đồng	250	0,00	311,00	0,00	
-	Công trình sự nghiệp thủy lợi	Triệu đồng	2.900	2.881,07	3.509,00	3.578,00	
b	Kinh doanh khác ( hoạt động tài chính và thu nhập khác)	Triệu đồng	950	810,89	1.000,00	800,00	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	762	735,10	833,00	762,00	Biểu 3
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	610	585,46	666,40	609,60	
5	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Triệu đồng	376	253,70		245,00	
	Trong đó: Thuế TNDN	Triệu đồng	152	149,64	166,60	152,40	Biểu 4
6	Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	27.467,29	25.486,59	39.676	15.403	
a	Vốn đầu tư trung hạn	Triệu đồng	24.467,29	22.519,66	28.876	11.000	
b	Vốn đầu tư theo Nghị định 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ	Triệu đồng			3.000		
c	Vốn khấu hao cơ bản của Công ty	Triệu đồng	800,00	787,61	800	800	

d	Vốn khác (bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, khắc phục thiên tai; quỹ đầu tư phát triển).	Triệu đồng	2.200,00	2.179,32	7.000	3.603
7	<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	<b>1.000 USD</b>				
8	<b>Các chỉ tiêu khác</b>					

### Ghi chú

- Diện tích tưới tiêu năm 2023 tăng 387 ha so KH21-25, tăng chủ yếu do diện tích sản xuất từ ký hợp đồng 1 vụ thành 2 vụ trong năm, cụ thể: HTX Vinh Hà: 169 ha, HTX Phú Gia): 163 ha; HTX An Nong 1 chuyển giao trạm bơm Công ty quản lý..vv. Diện tích tăng đã tác động làm cho doanh thu cũng tăng lên.
- Kế hoạch vốn ĐTPT 2023 không đạt so KH21-25, do: Vốn đầu tư công trung hạn hoàn toàn phụ thuộc vào khả năng của ngân sách Tỉnh thông báo bố trí, năm 2023 Tỉnh chỉ bố trí cho các dự án chuyển tiếp và chưa có thông báo vốn cho các dự án mới. Về "vốn đầu tư theo Nghị định 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ" như KH21-25 đã giao, nhưng không đưa vào KH 2023 bởi vì: hoàn toàn phụ thuộc vào khả năng nguồn lực của Chủ sở hữu và bên cạnh đó do đơn giá hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi chưa được điều chỉnh (ổn định từ năm 2013 đến nay).

## Phụ lục 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023

### I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch 2023	Ghi chú
1	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (Diện tích tưới tiêu)	Ha	35.643,75	36.722,22	
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	29.577,09	31.293,58	
a	Quản lý khai thác	Triệu đồng	28.766,20	30.493,58	
-	Tưới tiêu (có thu giá dịch vụ)	Triệu đồng	25.885,13	26.915,58	
-	Khai thác tổng hợp (có thu giá dịch vụ)	Triệu đồng	-	-	
-	Công trình sự nghiệp thủy lợi	Triệu đồng	2.881,07	3.578,00	
b	Kinh doanh khác (hoạt động tài chính và thu nhập khác)	Triệu đồng	810,89	800,00	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	735,00	762,00	
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	585,36	609,60	
5	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Triệu đồng	253,70	245,00	
	Trong đó: Thuế TNDN	Triệu đồng	149,64	152,40	
6	Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	25.486,59	15.403,00	
a	Vốn đầu tư trung hạn	Triệu đồng	22.519,66	11.000,00	
b	Vốn khấu hao cơ bản của Công ty	Triệu đồng	787,61	800,00	
c	Vốn khác (bảo vệ và phát triển đất trồng lúa, khắc phục thiên tai, quỹ đầu tư phát triển).	Triệu đồng	2.179,32	3.603,00	
7	Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD			
8	Các chỉ tiêu khác				

Y  
 U  
 V  
 I  
 T  
 H  
 H  
 U  
 Y  
 H  
 U  
 T  
 H

BIỂU SỐ 01: Chỉ tiêu sản lượng chủ yếu (chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích): Diện tích tưới tiêu

**I. Thực hiện năm 2022**

STT	NỘI DUNG	NĂM 2022		SO SÁNH TH/KH		
		KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% TH/KH	Số tuyệt đối	
					%	KL hoặc giá trị
I	<b>DIỆN TÍCH TƯỚI TIÊU</b>	<b>36.769,23</b>	<b>35.643,75</b>	<b>96,94</b>	<b>-3,06</b>	<b>-1.125,4858</b>
	Quản lý khai thác CTTL					
a	Sở NNPTNT đặt hàng	36.335,65	35.211,22	96,91	-3,09	-1.124,4295
	- Tưới tiêu trực tiếp	16.668,47	15.881,74	95,28	-4,72	-786,7240
	+ Lúa	16.121,84	15.235,72	94,50	-5,50	-886,1190
	+ Mầu	386,51	486,42	125,85	25,85	99,9050
	+ NTTS	160,12	159,61	99,68	-0,32	-0,51
	- Tạo nguồn, tiêu triều	19.667,18	19.329,48	98,28	-1,72	-337,7055
b	Các đơn vị sử dụng nước	433,58	432,53	99,76	-0,24	-1,0563

**II. Kế hoạch năm 2023**

STT	ĐƠN VỊ	DIỆN TÍCH THEO CÂY TRỒNG				DIỆN TÍCH THEO BIỆN PHÁP TƯỚI TIÊU			
		Tổng số	Trong đó			Hô chứa, đập dâng	Bơm điện	Kết hợp	Tiêu thoát nước, TNN
			Lúa	Mầu	Thủy sản				
	<b>KHU VỰC 2</b>	<b>11.645,64</b>	<b>11.385,14</b>	<b>254,29</b>	<b>6,21</b>	<b>589,62</b>	<b>3.826,69</b>	<b>610,61</b>	<b>6.618,73</b>
1	Hương T Vinh - Thọ Sơn	3.954,83	3.710,07	238,55	6,21	589,62	1.937,53	610,61	817,07
2	Sư Lỗ - Cầu Long	5.457,72	5.441,97	15,74	-	-	1.553,56	-	3.904,16
3	Phú Cam - Thảo Long	2.233,09	2.233,09	-	-	-	335,60	-	1.897,50
	<b>KHU VỰC 3</b>	<b>14.858,17</b>	<b>14.814,18</b>	<b>4,19</b>	<b>39,80</b>	<b>1.385,12</b>	<b>3.575,05</b>	<b>638,22</b>	<b>9.259,78</b>
1	Phú Lộc	3.607,98	3.602,37	-	5,61	803,09	1.891,29	68,01	845,59
2	Hương Phú	10.669,56	10.657,29	4,19	8,08	1,41	1.683,75	570,21	8.414,19
3	Nam Đông	580,63	554,52	-	26,11	580,63	-	-	-
	<b>KHU VỰC 4</b>	<b>8.572,97</b>	<b>8.370,17</b>	<b>176,00</b>	<b>26,80</b>	<b>1.478,08</b>	<b>3.255,16</b>	<b>-</b>	<b>3.839,73</b>
1	Cửa Lác - Mỹ Xuyên	5.183,02	5.167,10	15,93	-	368,81	974,48	-	3.839,73
2	Vinh Phú - Hòa Mỹ	2.259,76	2.155,95	77,01	26,80	1.109,26	1.150,50	-	-
3	Tây Hưng	1.130,19	1.047,13	83,06	-	-	1.130,19	-	-
	<b>KHU VỰC 5</b>	<b>1.645,44</b>	<b>1.558,64</b>	<b>-</b>	<b>86,79</b>	<b>1.499,09</b>	<b>146,34</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.722,22</b>	<b>36.128,14</b>	<b>434,47</b>	<b>159,61</b>	<b>4.951,91</b>	<b>10.803,24</b>	<b>1.248,84</b>	<b>19.718,23</b>
	<b>ĐẶT HÀNG SỞ NN</b>	<b>36.289,63</b>	<b>35.699,32</b>	<b>430,71</b>	<b>159,61</b>	<b>4.885,3058</b>	<b>10.439,84</b>	<b>1.248,84</b>	<b>19.715,6539</b>
	<b>THU NGOẠI</b>	<b>432,58</b>	<b>428,82</b>	<b>3,76</b>		<b>66,60</b>	<b>363,40</b>	<b>-</b>	<b>2,58</b>

HIE \* H'N'U

M.S.D

**BIỂU SỐ 02: KẾ HOẠCH DOANH THU TIÊU THỤ NĂM 2023**

**I Thực hiện năm 2022**

TT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2022		SO SÁNH TH/KH		
			KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% TH/KH	Số tuyệt đối	
						%	KL hoặc giá trị
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.000 đ</b>	<b>31.209.294</b>	<b>29.577.086</b>	<b>94,77</b>	<b>-5,23</b>	<b>-1.632.208</b>
1	Quản lý khai thác CTTL		30.259.294	28.766.197	95,07	-4,93	-1.493.097
a	Công trình có thu giá dịch vụ		27.109.748	25.885.130	95,48	-4,52	-1.224.618
	- Sơ NNPTNT đặt hàng		26.532.100	25.276.507	95,27	-4,73	-1.255.593
	- Các đơn vị sử dụng nước		577.648	608.623	105,36	5,36	30.975
b	Khai thác tổng hợp		249.546		0,00	-100,00	-249.546
c	Công trình sự nghiệp thủy lợi		2.900.000	2.881.067	99,35	-0,65	-18.933
	- Gác hồ		1.000.000	991.796	99,18	-0,82	-8.204
	- Thảo Long		1.200.000	1.198.164	99,85	-0,15	-1.836
	- Công Mai Dương, An Xuân, Hà Đò		500.000	491.107	98,22	-1,78	-8.893
	- Đập Lộc Thủy		200.000	200.000	100,00	0,00	0
2	Hoạt động khác (Tài chính)		950.000	810.889	85,36	-14,64	-139.111
3	Thu nhập khác						

**II Kế hoạch năm 2023**

TT	TÊN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>31.293.579.019</b>
I	Quản lý khai thác				<b>30.493.579.019</b>



**BIỂU SỐ 3: THỰC HIỆN 2022, KẾ HOẠCH 2023 CÁC CHỈ TIÊU DOANH THU, LỢI NHUẬN,  
THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Nội dung	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
<b>A</b>	<b>TỔNG THU</b>	<b>29.577.085.681</b>	<b>31.293.579.019</b>
<b>I</b>	<b>Thu từ quản lý khai thác</b>	<b>28.766.196.681</b>	<b>30.493.579.019</b>
1	Sở NNPTNT đặt hàng	25.276.507.000	26.339.338.523
2	Các đơn vị sử dụng nước	608.622.681	576.240.496
3	Khai thác tổng hợp công trình thủy lợi	0	0
	- Cấp nước VITTO		0
	- Thuê mặt nước hồ nuôi trồng thủy sản		0
4	Công trình sự nghiệp thủy lợi	2.881.067.000	3.578.000.000
	- Các hồ	991.796.000	1.197.000.000
	- Thảo Long	1.198.164.000	1.300.000.000
	- Công MD; AX-HĐ	491.107.000	730.800.000
	- Đập Lộc Thủy	200.000.000	350.200.000
<b>II</b>	<b>Kinh doanh khác</b>	<b>810.889.000</b>	<b>800.000.000</b>
1	Hoạt động tài chính	810.889.000	800.000.000
2	Thu nhập khác		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI</b>	<b>28.841.985.656</b>	<b>30.531.579.019</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí tưới nước và tiêu nước</b>	<b>28.841.985.656</b>	<b>30.531.579.019</b>
1	Nhóm chi phí phục vụ đầu tư thay thế, sửa chữa lớn	615.937.500	615.937.500
1.1	Chi phí khấu hao tài sản cố định	615.937.500	615.937.500
2	Nhóm chi phí quản lý vận hành	28.226.048.156	29.915.641.519
2.1	TL,PC, ăn giữa ca và CK phải nộp theo lương	15.878.591.000	17.755.150.000
2.2	Nhiên liệu, năng lượng tưới, tiêu, cấp nước...	6.938.877.000	6.628.083.161
2.3	Chi phí vật tư nhiên liệu cho công tác vận hành và bảo dưỡng công trình phục vụ tưới tiêu	37.422.000	55.000.000
2.4	Chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	3.904.545.156	3.536.473.358
2.5	Chi phí phòng chống thiên tai		
2.6	Chi phí cho công tác bảo hộ, an toàn lao động và bảo vệ công trình thủy lợi...	244.678.000	700.000.000
2.7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.221.935.000	1.240.935.000
<b>II</b>	<b>Chi phí cho hoạt động kinh doanh khác (thuê mặt nước, cấp nước, khác...)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Khai thác tổng hợp công trình thủy lợi		
2	Chi khác		
<b>C</b>	<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>735.100.025</b>	<b>762.000.000</b>
1	Hoạt động tưới nước và tiêu nước	-75.788.975	-38.000.000
2	Hoạt động kinh doanh khác	810.889.000	800.000.000
<b>D</b>	<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>585.459.271</b>	<b>609.600.000</b>
<b>E</b>	<b>THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC</b>	<b>253.697.508</b>	<b>244.996.641</b>
1	Thuế các loại	244.237.363	244.996.641
	- Thuế GTGT	9.164.100	6.909.091
	- Thuế TNDN	149.640.754	152.400.000
	- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	77.685.069	82.687.550
	- Các loại thuế khác	3.000.000	3.000.000
	- Thuế Tài nguyên	4.747.440	
2	Các khoản phải nộp khác	9.460.145	



**BIỂU SỐ 04: TỔNG VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN NĂM 2022, KẾ HOẠCH NĂM 2023**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	HẠNG MỤC	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>25.486,59</b>	<b>15.403,00</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn đầu tư công trung hạn</b>	<b>22.519,66</b>	<b>11.000,00</b>	
1	Nâng cấp các công trình thủy lợi A Lưới	7.611,45		
2	Nâng cấp sửa chữa các công trình trạm bơm chống hạn Tây Nam Hương Trà, thị xã Hương Trà	1.400,00	2.000,00	Thông báo số 5388/TB-SKHĐT ngày 27/12/2022
3	Nâng cấp sửa chữa trạm bơm Phong Sơn, Đông Vinh, Chương - Bình, Vinh Phú thuộc huyện Quảng Điền, Phong Điền	13.000,00		
4	Các trạm bơm tiêu Phú Vang	161,74	9.000,00	Theo Tờ trình của Sở KH&ĐT đang trình UBND tỉnh
5	Hệ thống kênh tưới Bắc Sơn	346,48		
<b>II</b>	<b>Vốn khấu hao cơ bản Công ty</b>	<b>787,61</b>	<b>800,00</b>	
1	Thay thế các máy bơm điện đã cũ và lạc hậu; bổ sung lắp đặt thêm máy móc công tác để tăng cường tiêu úng đột xuất; thiết bị thủy văn.	650,25	410	Theo Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025
2	Thay thế cải tạo các đường dây hạ thế; tủ điện và các thiết bị đóng, cắt	79,54		
3	Bổ sung các trạm bơm nhỏ chống hạn, chống úng, cửa van cống điều tiết nước để giải quyết kịp thời tưới tiêu cục bộ	57,82	220	
4	Lắp đặt màn hình led Hội trường nhà làm việc Công ty phục vụ hội họp và điều hành trực tuyến		170	
<b>III</b>	<b>Vốn khác</b>	<b>2.179,32</b>	<b>3.603</b>	
1	Bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	2.179,32	2.200	
2	Quỹ đầu tư phát triển		1.403	



**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI NĂM 2022**  
(Biểu số 4 - Phụ lục II, Ban hành kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP)

Thực hiện Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp, Công ty TNHH NN MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Thừa Thiên Huế báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội năm 2022 như sau:

**I. Một số chỉ tiêu về nhiệm vụ công ích:**

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Ha	36.769,23	35.643,75	96,94%
	- Trong đó sản phẩm quy đổi	Ha	22.247,64	21.108,30	94,88%
2	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	Triệu đồng	27.505,98	25.960,92	94,88%
3	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	Triệu đồng	27.109,75	25.885,13	95,48%

Ngoài một số chỉ tiêu nhiệm vụ công ích nói trên (có thu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi), Công ty được tình giao về hoạt động sự nghiệp thủy lợi, môi trường từ kinh phí hợp đồng đặt hàng các công trình hồ Năm Lăng, cống Phú Cam, đập Thảo Long, hồ Nam Giản, Hồ Thiềm Cát, Các cống: Mai Dương, An Xuân, Hà ĐỒ; và Đập Lộ Thủy (do sở Nông nghiệp và PTNT hợp đồng) là 2.881,067 triệu đồng (nguồn kinh phí này chủ yếu chi tiền lương công nhân, các khoản đóng góp trích theo lương, chi phí điện vận hành,...)

**II. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp:**

**1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường:**

- Đảm bảo môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp;
- Phân công trách nhiệm cho từng đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường công trình do đơn vị mình quản lý;
- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương tăng cường công tác tuyên truyền với các hộ dùng nước, người dân đặc biệt là các khu công nghiệp có ý thức trong việc thu gom rác thải, nước thải đúng nơi quy định, không xả rác xuống lòng kênh gây ách tắc dòng chảy và ô nhiễm nguồn nước tưới;

- Hệ thống các kênh dẫn, mương tưới, tiêu thường xuyên được nạo vét, vớt xác súc vật, các chất thải sinh hoạt do người dân thải xuống các kênh mương đem thu gom và xử lý đúng nơi quy định;

- Giám sát đánh giá ô nhiễm môi trường tại các hồ chứa nước đặc biệt là các hồ phục vụ đa mục tiêu.

## **2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội:**

- Trong năm, Công đoàn cơ sở vận động người lao động tham gia các Quỹ: 80,823 triệu đồng, bao gồm: đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, tình thương, mái ấm Công đoàn, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng phòng chống thiên tai, ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa, quà Tết nạn nhân chất độc da cam, Tết vì người nghèo và bị ảnh hưởng Covid-19.

- Nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

## **3. Trách nhiệm với nhà cung cấp:**

- Thực hiện đúng theo như cam kết trong các thỏa thuận hoặc hợp đồng;

- Thanh toán nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ;

## **4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng:**

- Đảm bảo nguồn nước tưới không bị ô nhiễm, nhiễm mặn;

- Thực hiện đúng theo Hợp đồng cung cấp, sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đã ký, đảm bảo cây trồng sinh trưởng và phát triển đúng theo lịch gieo trồng, đưa năng suất, sản lượng ngày càng cao, chất lượng tốt.

- Quan trắc mực nước và chất lượng nước đảm bảo các yếu tố an toàn cho cây trồng sinh trưởng.

- Kịp thời tiêu nước khi có mưa úng xảy ra, cung cấp nguồn nước kịp thời vụ khi nắng nóng kéo dài.

## **5. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích người lao động trong doanh nghiệp:**

- Công ty đảm bảo tiền lương, tiền ăn ca được chi trả đúng chế độ, các khoản chi phí bảo hiểm được đóng kịp thời và đầy đủ cho người lao động, khám sức khỏe định kỳ cho 159 CBCNV với tổng số tiền là 33,39 triệu đồng, nâng lương, chuyển ngạch cho 19 người, thi nâng bậc 70 người; trang cấp bảo hộ lao động 87,80 triệu đồng; huấn luyện an toàn vệ sinh lao động định kỳ và cấp thẻ an toàn cho 114 người với tổng số tiền là 26,85 triệu đồng; hỗ trợ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn và ốm đau: 9,0 triệu đồng; duy trì lớp Cao đẳng Thủy lợi tại Công ty cho 29 học viên là người lao động trong Doanh nghiệp (nay đã tốt nghiệp), nhằm nâng cao năng chuyên môn đáp ứng theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP; tuyển bổ sung 12 lao động tăng cường cho các trạm, cấp phát thuốc y tế, pano tuyên truyền 10 trạm thủy nông cơ sở; giải quyết chấm dứt hợp đồng 08 trường hợp (02 trường hợp nghỉ chế độ hưu, 06 trường hợp tự nguyện xin chấm dứt hợp đồng lao động do hoàn cảnh gia đình); thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch bệnh; tổ chức phát quà cho các cháu là con của đoàn viên Công đoàn Công ty nhân ngày Quốc tế thiếu nhi, Trung thu: 6,12 triệu đồng; trao thưởng Quỹ khuyến học cho 43 cháu với kinh phí hơn 14,55 triệu đồng (kinh phí từ đoàn viên tham gia đóng góp với mức 70.000 đồng/người), tổ chức

thăm hỏi gia đình đoàn viên khó khăn với 9 suất quà mỗi suất trị giá 500.000 đồng (Đảng ủy, Ban Giám đốc Công ty tặng 2 suất quà, CĐCS Công ty tặng 7 suất quà); thăm 4 gia đình đoàn viên bị ảnh hưởng bão 1,06 triệu đồng; tặng 168 suất quà cho đoàn viên-công đoàn Công ty nhân dịp tết Nguyên đán với mỗi suất trị giá 300.000 đồng (tổng 50,4 triệu đồng). Trong thời gian dịch Covid-19 diễn ra, Công đoàn Cơ sở Công ty phối hợp với Công đoàn ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thăm hỏi với số tiền 6,4 triệu đồng và CĐCS Công ty chi hỗ trợ cho 27 đoàn viên với số tiền 2,7 triệu đồng.

- Người lao động được ký kết hợp đồng lao động, có đủ việc làm; được nghỉ hàng năm theo quy định của Bộ Luật lao động.

Trên đây là một số nội dung cơ bản Công ty trân trọng báo cáo./.

CHỦ TỊCH 



**Đỗ Văn Đỉnh**

